BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(DỰ KIẾN) DANH SÁCH HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KÌ 2 NĂM HỌC 2025-2026 - KHÓA 60 KHOA KHÁCH SẠN DU LỊCH

STT	Mã SV	Họ lót	Tên	LHC	Mã ngành	STC xét HB	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 10	ĐTB HK2 NH 25-26 thang 4	ĐRL HK2 NH 25-26	MGHP	Loại HB
1	24D255027	Nguyễn Bùi Bảo	Ngọc	K60BKI1	BKI	23	8.89	3.76	95		Giỏi
2	24D255039	Hoàng Mai	Trang	K60BKI1	BKI	23	8.67	3.65	87		Khá
3	24D255048	Quán Hà Như	Ý	K60BKI1	BKI	23	8.50	3.70	86		Khá
4	24D255044	Quán Hà Cát	Tường	K60BKI1	BKI	23	8.48	3.70	90		Khá
5	24D112025	Phan Thị Cẩm	Ly	K60BKN1	BKN	21	9.31	3.95	89		Giỏi
6	24D112036	Nguyễn Kim Thành	Phát	K60BKN1	BKN	21	9.27	3.90	89		Khá
7	24D112007	Phan Bảo	Châm	K60BKN1	BKN	21	9.24	4.00	89		Khá
8	24D112040	Trần Bích	Phương	K60BKN1	BKN	21	9.14	3.90	99		Khá
9	24D110041	Trần Thị Thùy	Trang	K60BKS1	BKS	21	9.55	3.95	97		Xuất sắc
10	24D110022	Nguyễn Trang	Linh	K60BKS1	BKS	21	9.46	3.95	98		Giỏi
11	24D110116	Nguyễn Khánh	Linh	K60BKS3	BKS	21	9.43	4.00	89		Giỏi
12	24D110034	Hà Nhật	Quyên	K60BKS1	BKS	21	9.37	3.86	87		Giỏi
13	24D110044	Nguyễn Thị	Tuyết	K60BKS1	BKS	21	9.36	3.81	82		Khá
14	24D110118	Tạ Mai	Linh	K60BKS3	BKS	21	9.36	3.93	87		Khá
15	24D110142	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	K60BKS3	BKS	21	9.36	3.95	99		Khá
16	24D110068	Ngô Diệu	Linh	K60BKS2	BKS	21	9.34	3.95	78		Khá
17	24D110036	Nguyễn Thị Ngọc	Tâm	K60BKS1	BKS	21	9.33	3.95	80		Khá
18	24D110054	Trần Thị Thu	Ánh	K60BKS2	BKS	21	9.30	4.00	86		Khá
19	24D110021	Nguyễn Nhật	Linh	K60BKS1	BKS	21	9.29	3.86	82		Khá
20	24D250001	Đỗ Hoài	An	K60BLH1	BLH	21	9.44	4.00	100		Xuất sắc
21	24D250143	Trần Hà	Vy	K60BLH3	BLH	21	9.44	4.00	96	Có	Giỏi
22	24D250059	Nguyễn Minh	Đức	K60BLH2	BLH	21	9.39	4.00	92		Giỏi
23	24D250023	Nguyễn Phương	Linh	K60BLH1	BLH	21	9.36	3.93	96		Giỏi
24	24D250056	Hà Minh	Châu	K60BLH2	BLH	21	9.26	3.83	85		Giỏi
25	24D250133	Lê Phan Mỹ	Tâm	K60BLH3	BLH	21	9.25	3.90	100		Khá
26	24D250042	Nguyễn Phương	Thùy	K60BLH1	BLH	19	9.24	3.84	84		Khá
27	24D250038	Vũ Minh	Quân	K60BLH1	BLH	21	9.23	3.88	95		Khá
28	24D250027	Nguyễn Trúc	Mai	K60BLH1	BLH	21	9.19	3.81	100		Khá
29	24D250047	Trần Thị Thanh	Tuyền	K60BLH1	BLH	19	9.17	3.82	86		Khá
30	24D250113	Bùi Thu	Huyền	K60BLH3	BLH	21	9.17	3.79	88		Khá
31	24D250119	Phạm Thùy	Linh	K60BLH3	BLH	21	9.17	3.90	82		Khá
32	24D250109	Trần Nguyệt	Hà	K60BLH3	BLH	21	9.15	3.76	81		Khá
33	24D250010	Hoàng Khánh	Dương	K60BLH1	BLH	21	9.14	3.86	89		Khá
34	23D252011	Trần Thị Phương	Hậu	K60BLN1	BLN	21	9.49	4.00	89		Giỏi
35	24D252019	Nguyễn Thị Như	Ngọc	K60BLN1	BLN	21	9.38	3.90	95		Khá
36	24D252020	Trịnh Hồng	Ngọc	K60BLN1	BLN	21	9.32	3.86	81		Khá